

Bản án số: **69/2022/HS-ST**

Ngày: 12-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tàn Quốc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thanh Nga
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định hoãn phiên tòa xử số 189/2022/HSST-QĐ ngày 16 tháng 06 năm 2022, Thông báo thay đổi ngày xét xử số 189A/TB-TA ngày 07 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Bá C (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 22 tháng 02 năm 1979 tại HP; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 172 đường N, phường Đ, quận Ng, thành phố HP; Nơi cư trú: 250 Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1947; Hoàn cảnh gia đình: anh chị em có 02 người, bị cáo là con út; Vợ là Lại Thị L, sinh năm 1979, có 01 người con sinh năm 1998.

Tiền sự: Không

Tiền án: Không

Bị cáo được tại ngoại có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Thành Th, sinh năm 1988 “vắng mặt”

Địa chỉ: 561 ấp B, xã B, huyện C, TP. HCM.

2. Bà Trần Thị Nam Ph, sinh năm 1975 “vắng mặt”

Địa chỉ: 37 đường L, Phường M, Quận T, TP. HCM.

3. Ông Trương Mạnh H, sinh năm 1947 “vắng mặt”

Địa chỉ: 68/20 đường Đ, Phường C, Quận T, TP. HCM.

4. Bà Ngô Thị Ph1, sinh năm 1953 “vắng mặt”

- Địa chỉ: 43/24 Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. HCM.
5. Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1965 “vắng mặt”
Địa chỉ: 100/31/7B đường Đ, Phường M, quận B, TP. HCM.
6. Ông Vương Thanh G, sinh năm 1964 “vắng mặt”
Địa chỉ: 241/33/16 đường B, Phường N, Quận T, TP. HCM.
7. Bà Trần Hồ Ngọc M, sinh năm 1986 “vắng mặt”
Địa chỉ: 460/1 đường Ng, Phường M, Quận T, TP. HCM.
8. Bà Lê Thị B, sinh năm 1954 “vắng mặt”
Địa chỉ: 814 Lô M1 chung cư Đường T, PH4 M, Quận T, TP. HCM.
9. Bà Võ Thị Ngọc H1, sinh năm 1971 “vắng mặt”
Địa chỉ: 119 Đường L, Phường M, Quận T, TP. HCM.
10. Bà Huỳnh Thị Hằng Ng, sinh năm 1973 “vắng mặt”
Địa chỉ: 241/43 Đường B, Phường H, Quận T, TP. HCM.
11. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 “vắng mặt”
Địa chỉ: 241/33/30 Đường B, Phường H, Quận T, TP. HCM.
12. Ông Trần Quốc V, sinh năm 1975 “vắng mặt”
Địa chỉ: 403 Lô C3, Đường T, Phường S, Quận T, TP. HCM..
13. Bà Phó Hồng Đ, sinh năm 1990 “vắng mặt”
Địa chỉ: 266/40/42 Đường T, Phường T, Quận T, TP. HCM.
14. Ông Dương Văn Ng1, sinh năm 1976 “vắng mặt”
Địa chỉ: 266/40/11 Đường T, Phường T, Quận T, TP. HCM.
15. Bà Nguyễn Thị Kim Th1, sinh năm 1983 “vắng mặt”
Địa chỉ: 148/12/30/11 Đường T, Phường T, Quận T, TP. HCM.
16. Bà Nguyễn Thị Minh H2, sinh năm 1989 “vắng mặt”
Địa chỉ: 148/12/30/11 Đường T, Phường T, Quận T, TP. HCM.
17. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1989 “vắng mặt”
Địa chỉ: 148/12/20/24 Đường T, Phường M, Quận T, TP. HCM.
18. Ông Võ Quốc C, sinh năm 1976 “vắng mặt”
Địa chỉ: 122/27/42A Đường T, Phường M, Quận T, TP. HCM.
19. Ông Nguyễn Tòng Sang Ph1, sinh năm 1978 “vắng mặt”
Địa chỉ: 1000W7 Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. HCM.
20. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1970 “vắng mặt”
Địa chỉ: 214 Đường N, Phường M, Quận T, TP. HCM.
21. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1964 “vắng mặt”
Địa chỉ: 125/33A Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. HCM.
22. Bà Phạm Thị Ngọc L1, sinh năm 1980 “vắng mặt”
Địa chỉ: 68/1 Đường L, Phường M, Quận T, TP. HCM.
23. Ông Ngô Công G1, sinh năm 1951 “vắng mặt”
Địa chỉ: 43/24 Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. HCM.
24. Bà Lê Mỹ Ng2, sinh năm 1992 “vắng mặt”
Địa chỉ: 03 Đường L, Phường M, Quận T, TP. HCM.
25. Bà Nguyễn Thị Ng3, sinh năm 1979 “vắng mặt”

Địa chỉ: 165/91 Đường T, Phường M, Quận T, TP. HCM.
26. Ông Nguyễn Tấn L2, sinh năm 1980 “vắng mặt”
Địa chỉ: 670/59/2/6 Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. HCM.
27. Bà Ngô Thị Tuyết M1, sinh năm 1968 “vắng mặt”
Địa chỉ: 692/10D Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. HCM.
28. Ông Dương K, sinh năm 1971 “vắng mặt”
Địa chỉ: 345/53 Đường T, phường C, Quận M, TP. HCM.
29. Ông Từ Bửu M2, sinh năm 1979 “vắng mặt”
Địa chỉ: 112/22/17/8 Đường Đ, Phường M, quận B, TP. HCM.
30. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1969 “vắng mặt”
Địa chỉ: 538/83/8 Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. HCM.
31. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1960 “vắng mặt”
Địa chỉ: 277/49 Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. HCM.
32. Bà Trần Thị Kim H4, sinh năm 1970 “vắng mặt”
Địa chỉ: 103/13 Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. HCM.
33. Bà Trần Thị Minh L3, sinh năm 1965 “vắng mặt”
Địa chỉ: 277/28 Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. HCM.
34. Ông Trần Ngọc H5, sinh năm 1975 “vắng mặt”
Địa chỉ: 118 chung cư Đường Đ, Phường M, Quận T, TP. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2015, Nguyễn Bá C từ TP. HP vào TP. Hồ Chí M2 sinh sống. C cho một số người quen vay tiền lấy lãi nhằm kiếm thu nhập tiêu xài. C đã cho vay bằng các hình thức vay tiền “góp” (đóng tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày) và vay tiền “đứng” (đóng tiền lãi mỗi ngày cho đến khi trả hết tiền vay) hoặc người vay “dồn tiền” cho số tiền vay còn nợ chuyển qua cộng dồn vào kỳ vay tiếp theo. Từ năm 2018 đến ngày 30/9/2020 C đã cho 34 người vay, cụ thể như sau:

1. Bùi Thành Th (sinh năm: 1988, ngụ: 561 Ấp Bình Trường, Bình Khánh, Cần Giờ). Vào ngày 03/02/2020, Th1ệt vay C số tiền 15.000.000 đồng. Th1ệt trả tiền C với hình thức đóng tiền “đứng” 3.000.000 đồng/1 tháng với lãi suất 20%/01 tháng. Đến ngày 30/9/2020, Th1ệt đã đóng tiền lãi cho C tổng cộng số tiền 21.000.000 đồng (07 tháng), trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 1.750.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 19.250.000 đồng. Lãi suất C thu lợi là 240%/01 năm (365 ngày).

2. Trần Thị Nam Ph (tự Oanh gà, sinh năm: 1975, ngụ: 37 đường L, PH4 M, Quận T)

Lần 1: Vào ngày 04/3/2018, C cho Ph vay số tiền 10.000.000 đồng. C và Ph thỏa thuận Ph trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 400.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, số tiền Ph phải thanh toán cho C là 12.000.000 đồng. Sau 15 ngày Ph góp tiền (thời gian không liên tục) đến ngày 22/03/2018, do không có khả năng chi trả nên Ph xin “dồn tiền” thì C đồng ý. Lúc

này, C đã thu được số tiền 6.000.000 đồng, Ph còn nợ 6.000.000 đồng. C đã thu được số tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.370 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.630 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Vào ngày 22/03/2018, Ph “dồn tiền” và tiếp tục vay C số tiền 10.000.000 đồng với hình thức như nêu trên. Sau khi trừ đi số tiền Ph còn nợ lần 1 là 6.000.000 đồng, C đưa Ph số tiền 4.000.000 đồng. Sau 15 ngày Ph góp tiền (thời gian không liên tục), đến ngày 08/4/2018, Ph tiếp tục xin “dồn tiền” thì C đồng ý. Lúc này, C đã thu được số tiền 6.000.000 đồng, Ph còn nợ số tiền 6.000.000 đồng. C đã thu được số tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.370 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.630 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 3: Vào ngày 08/4/2018, Ph “dồn tiền” và tiếp tục vay C số tiền 10.000.000 đồng với hình thức như nêu trên. Sau khi trừ đi số tiền Ph còn nợ lần 2 là 6.000.000 đồng, C đưa Ph số tiền 4.000.000 đồng và tiếp tục trả bằng hình thức như trên. Sau 15 ngày Ph góp tiền (thời gian không liên tục), do không có khả năng chi trả nên Ph xin “dồn tiền” thì C đồng ý. Lúc này, C đã thu được số tiền 6.000.000 đồng, Ph còn nợ số tiền 6.000.000 đồng. C đã thu được số tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.370 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.630 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Tương tự như lần 2, lần 3, Trần Thị Nam Ph vay thêm 13 lần. Mỗi lần C thu lợi 2.000.000 đồng, tổng cộng 13 lần C thu lợi 26.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 2.136.810 đồng, tiền thu lợi bất chính là 23.863.190 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 17: Đến ngày 04/5/2019, C cho Ph vay số tiền 10.000.000 đồng và thỏa thuận Ph trả tiền C với hình thức đóng tiền “đứng” 100.000 đồng/01 ngày với lãi suất 1%/01 ngày. Sau 60 ngày Ph trả tiền “đứng”, Ph đã trả hết số tiền vay 10.000.000 đồng cho C. Lúc này, C thu lãi được 6.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 328.740 đồng, tiền thu lợi bất chính là 5.671.260 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 17 lần cho Trần Thị Nam Ph vay là 170.000.000 đồng, tiền lãi là 38.000.000, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 2.958.660 đồng, thu lợi bất chính vay là 35.041.340 đồng.

3. Trương Mạnh H (sinh năm: 1947, ngụ: 68/20 đường Đ, PH4 C, Quận T). Vào ngày 16/01/2019, C cho H vay số tiền 3.000.000 đồng. C và H thỏa thuận H trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 120.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, số tiền H phải thanh toán cho C là 3.600.000 đồng. Sau đó, H đã thanh toán xong số tiền thỏa thuận 3.600.000 đồng. C đã thu được số tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 49.290 đồng, tiền thu lợi bất chính là 550.710 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

4. Ngô Thị Ph1 (sinh năm: 1953, ngụ: 43/24 Đường Đ, Phường M, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 09/6/2019, C cho Ph1 vay số tiền 3.000.000 đồng. C và Ph1 thỏa thuận Ph1 trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 120.000 đồng/01 ngày

trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, số tiền Ph1 phải thanh toán cho C là 3.600.000 đồng. Sau đó, Ph1 đã thanh toán xong số tiền thỏa thuận 3.600.000 đồng. C đã thu được số tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 49.290 đồng, tiền thu lợi bất chính là 550.710 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: C cho Ph1 vay số tiền 5.000.000 đồng. C và Ph1 thỏa thuận Ph1 trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 200.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày tương đương số tiền Ph1 phải thanh toán cho C là 6.000.000 đồng. Sau đó, Ph1 đã thanh toán xong số tiền thỏa thuận 6.000.000 đồng. C đã thu được số tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 02 lần cho Ngô Thị Ph vay là 8.000.000 đồng, tiền lãi là 1.600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 131.460 đồng, thu lợi bất chính là 1.468.540 đồng.

5. Nguyễn Việt T (sinh năm: 1965, ngụ: 100/31/7B đường Đ, PH4 M, quận B).

Lần 1: Vào khoảng tháng 12 năm 2019, C cho T vay với số tiền 3.000.000 đồng. C và T thỏa thuận T trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” mỗi ngày 120.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày tương đương 243,333%/01 năm (365 ngày); số tiền T phải thanh toán cho C là 3.600.000 đồng. T đã thanh toán xong số tiền thỏa thuận 3.600.000 đồng. C đã thu được số tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 49.290 đồng, tiền thu lợi bất chính là 550.710 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Ngày 06/7/2020, C cho T vay số tiền 3.000.000 đồng. T đã thanh toán xong số tiền thỏa thuận 3.600.000 đồng. C đã thu được số tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 49.290 đồng, tiền thu lợi bất chính là 550.710 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 02 lần cho Nguyễn Việt T vay là 6.000.000 đồng, tiền lãi là 1.200.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 98.580 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.101.420 đồng.

6. Vương Thanh G (sinh năm: 1964, ngụ: 241/33/16 đường B, PH4 N, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 11/6/2020, C cho G vay số tiền 5.000.000 đồng. C và G thỏa thuận G trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” mỗi ngày 200.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, số tiền G phải thanh toán cho C là 6.000.000 đồng. G “góp” được 02 ngày là 400.000 đồng. Do không có khả năng “góp” như thỏa thuận nên G đến gặp C xin chuyển qua đóng tiền “đứng” mỗi ngày đóng 50.000 đồng nhưng G chưa đóng ngày nào. C thu lãi 02 ngày là 66.667 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 5.478 đồng, tiền thu lợi bất chính là 61.189 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Đến ngày 18/6/2020, G đến gặp C vay tiếp số tiền 2.000.000 đồng. C và G thỏa thuận G trả tiền C với hình thức đóng tiền “đứng” 20.000 đồng/01 ngày với lãi suất 01%/01 ngày. Tổng cộng G đã vay C số tiền 7.000.000 đồng và đóng tiền “đứng” mỗi ngày đóng 70.000 đồng. G đóng tiền “đứng” 81 ngày nên C thu

được số tiền lãi là 5.670.000 đồng (hiện nay G còn nợ C số tiền 7.000.000 đồng), trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 310.635 đồng, tiền thu lợi bất chính là 5.359.365 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 02 lần cho Vương Thanh G vay là 7.000.000 đồng, tiền lãi là 5.736.667 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 316.13 đồng, tiền thu lợi bất chính là 5.420.554 đồng.

7. Trần Hồ Ngọc M (sinh năm: 1986, ngụ: 460/1 đường Ng, PH4 M, Quận T). Vào ngày 03/02/2020, C cho M vay số tiền 5.000.000 đồng. C và M thỏa thuận M trả tiền C với hình thức đóng tiền “đứng” 50.000 đồng/01 ngày với lãi suất 01%/01 ngày. Đến ngày 03/8/2020, M đóng tiền “đứng” được 90 ngày nên C thu được số tiền lãi là 4.500.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 246.510 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.253.490 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Do không có khả năng đóng tiền “đứng” nên M gặp C và thỏa thuận M trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 500.000 đồng/01 tuần trong vòng 11 tuần (77 ngày) với lãi suất 10%/77 ngày số tiền M phải thanh toán cho C là 5.500.000 đồng. M góp được 4 tuần C thu được số tiền 2.000.000 đồng (hiện nay M còn nợ C số tiền 3.500.000 đồng). C đã thu được tiền lãi là 181.818 đồng. Trong trường hợp này, C cho M vay với lãi suất là 47,45%/01 năm và thu lãi chưa vượt qua lãi theo lãi suất quy định.

8. Lê Thị B (sinh năm 1954, ngụ: 814 Lô M1 chung cư Đường T, PH4 M, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 19/3/2020, C cho B vay số tiền 4.000.000 đồng. C và B thỏa thuận B trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 200.000 đồng/01 ngày trong vòng 24 ngày với lãi suất 20%/24 ngày, số tiền B phải thanh toán cho C là 4.800.000 đồng. Sau 20 ngày B góp tiền (thời gian không liên tục), đến ngày 14/4/2020, B xin “dồn tiền” thì C đồng ý. Lúc này, C đã thu được số tiền 4.000.000 đồng (B còn nợ C số tiền 800.000 đồng). Do dồn tiền nên C đã thu được số tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 52.584 đồng, tiền thu lợi bất chính là 747.416 đồng. Lãi suất C thu lợi là 304,166%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Vào ngày 14/4/2020, B xin “dồn tiền” và tiếp tục vay C số tiền 4.000.000 đồng, Bằng trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 200.000 đồng/01 ngày trong vòng 24 ngày với lãi suất 20%/24 ngày, số tiền B phải thanh toán cho C là 4.800.000 đồng. Sau khi trừ số tiền nợ lần 1 là 800.000 đồng nên C đưa B số tiền 3.200.000 đồng. Sau 19 ngày Bằng góp tiền, đến ngày 02/5/2020, B xin “dồn tiền” thì C đồng ý. Lúc này, C đã thu được số tiền 3.800.000 đồng (B còn nợ C số tiền 1.000.000 đồng). Do dồn tiền nên C đã thu được số tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 52.584 đồng, tiền thu lợi bất chính là 747.416 đồng. Lãi suất C thu lợi là 304,166%/01 năm (365 ngày).

Lần 3: Vào ngày 02/5/2020, B xin “dồn tiền” và vay C số tiền 6.000.000 đồng. C và B thỏa thuận B trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 240.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, số tiền B phải thanh toán cho C là 7.200.000 đồng. Sau khi trừ số tiền nợ lần 2 là 1.000.000 đồng nên C đưa B số tiền 5.000.000 đồng. Sau 17 ngày B góp tiền, đến ngày 20/5/2020, B xin

“dồn tiền” thì C đồng ý. Lúc này, C đã thu được số tiền 4.080.000 đồng (B còn nợ C 3.120.000 đồng). Do “dồn tiền” nên C đã thu được số tiền lãi là 1.200.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 98.630 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.101.370 đồng. Lãi suất C thu lợi năm là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 4: Vào ngày 20/5/2020, B xin “dồn tiền” và vay C với số tiền 6.000.000 đồng. C và B thỏa thuận B trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 240.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, số tiền B phải thanh toán cho C là 7.200.000 đồng. Sau khi trừ số tiền nợ lần 3 là 3.120.000 đồng nên C đưa B số tiền 2.880.000 đồng. Sau 16 ngày bằng góp tiền, đến ngày 16/6/2020, B xin “dồn tiền” thì C đồng ý. Lúc này, C thu được 3.840.000 đồng (B còn nợ C 3.360.000 đồng). C đã thu được số tiền 4.080.000 đồng (B còn nợ C 3.120.000 đồng). Do dồn tiền nên C đã thu được số tiền lãi là 1.200.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 98.630 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.101.370 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 5: Vào ngày 6/6/2020, B tiếp tục vay C số tiền 5.000.000 đồng. C và B thỏa thuận B trả tiền C với hình thức đóng tiền “đứng” 50.000 đồng/01 ngày với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 69 ngày B đóng tiền “đứng”, C thu được số tiền lãi là 3.450.000 đồng (hiện nay B còn nợ C số tiền 5.000.000 đồng), trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 188.991 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.261.009 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Lần 6: Vào ngày 16/6/2020, B xin “dồn tiền” và vay C số tiền 6.000.000 đồng. C và B thỏa thuận B trả tiền C với hình thức đóng tiền “đứng” 60.000 đồng/01 ngày với lãi suất 01%/01 ngày. Sau khi trừ số tiền nợ lần 4 là 3.360.000 đồng nên C đưa B số tiền 2.640.000 đồng. Sau 45 ngày B đóng tiền “đứng”, C thu được số tiền lãi là 2.700.000 đồng (hiện nay B còn nợ C số tiền 6.000.000 đồng), trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 147.915 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.552.085 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 06 lần cho Lê Thị B vay là 31.000.000 đồng, tiền lãi là 10.150.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 639.334 đồng, tiền thu lợi bất chính là 9.510.666 đồng (B còn nợ C số tiền 11.000.000 đồng).

9. Võ Thị Ngọc H1 (sinh năm 1971, ngụ: 119 Đường L, PH4 M, Quận T).

Lần 1: Vào tháng 7 năm 2020, C cho H1 vay số tiền 2.000.000 đồng. C và H1 thỏa thuận H1 trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 80.000 đồng/01 ngày trong 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, số tiền H1 phải trả cho C là 2.400.000 đồng. Sau 20 ngày H1 “góp” tiền, H1 xin “dồn tiền”. Do “dồn tiền” nên C đã thu được số tiền lãi là 400.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 32.850 đồng, tiền thu lợi bất chính là 367.150 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Khi H1 xin “dồn tiền” và tiếp tục vay C số tiền 2.000.000 đồng, H1 trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 80.000 đồng/01 ngày trong 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, số tiền H1 phải trả cho C là 2.400.000 đồng, C trừ số tiền nợ lần 1 là 800.000 đồng và đưa H1 số tiền 1.200.000 đồng. H1 đã “góp” tiền trả đủ số tiền thỏa thuận 2.400.000 đồng cho C. C đã thu được tiền lãi là 400.000 đồng, trong

đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 32.850 đồng, tiền thu lợi bất chính là 367.150 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 3: Khoảng tháng 8/2020, H1 vay C vay số tiền 4.000.000 đồng. C và H1 thỏa thuận H1 trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 160.000 đồng/01 ngày trong 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, số tiền H1 phải trả cho C là 4.800.000 đồng. Sau 15 ngày H1 “góp” tiền, H1 “dồn tiền”. Do “dồn tiền” nên C đã thu được số tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 65.730 đồng, tiền thu lợi bất chính là 734.270 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 4: H1 xin “dồn tiền” và tiếp tục vay C số tiền 4.000.000 đồng, H1 trả tiền C với hình thức đóng tiền “góp” 160.000 đồng/01 ngày trong 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, số tiền H1 phải trả cho C là 4.800.000 đồng, C trừ số tiền nợ lần 3 là 2.400.000 đồng và đưa H1 số tiền 1.600.000 đồng. H1 đã góp tiền trả đủ số tiền thỏa thuận 4.800.000 đồng cho C. Lúc này, C đã thu được tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 65.730 đồng, tiền thu lợi bất chính là 734.270 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 04 lần cho Võ Thị Ngọc H1 vay là 12.000.000 đồng, tiền lãi là 2.400.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 197.160 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.202.840 đồng.

10. Huỳnh Thị Hằng Ng (Sinh năm: 1973, HKTT: 241/43 Đường B, PH4 H, Quận T)

Lần 1: Vào ngày 29/5/2018, Ng vay C 5.000.000 đồng, bằng hình thức tiền “góp” mỗi ngày 200.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Ng phải trả C là 6.000.000 đồng. Sau 20 ngày “góp” tiền đến ngày 18/6/2018, Ng “dồn tiền” và C thu tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Vào ngày 18/6/2018, Ng “dồn tiền” và tiếp tục vay C 6.000.000 đồng, mỗi ngày “góp” 240.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Ng phải trả C là 7.200.000 đồng. Sau 22 ngày “góp” tiền đến ngày 15/7/2018, Ng dồn tiền và C thu tiền lãi là 1.200.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 98.610 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.101.390 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 3: Vào ngày 15/7/2018, Ng “dồn tiền” và tiếp tục vay C 6.000.000 đồng, mỗi ngày “góp” 240.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Ng phải trả C là 7.200.000 đồng. Sau 30 ngày “góp” tiền đến ngày 15/8/2018, C thu tiền lãi là 1.200.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 98.610 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.101.390 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 4: Vào ngày 15/8/2018, Ng tiếp tục vay C 6.000.000 đồng, mỗi ngày “góp” 240.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Ng phải trả C là 7.200.000 đồng. Sau 16 ngày “góp” tiền đến ngày 08/11/2018, do không có khả năng “góp” 240.000 đồng/01 ngày nên Ng “góp” 50.000 đồng/01 ngày. Lúc này, Ng còn nợ 3.360.000 đồng (7.200.000-16x240.000) và C thu được tiền lãi là 640.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 52.592 đồng, tiền thu

lợi bất chính là 587.408 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 5: Với số tiền nợ 3.360.000 đồng, C thỏa thuận Ng còn nợ 3.000.000 đồng, mỗi ngày Ng “góp” 50.000 đồng trong vòng 72 ngày với lãi suất 20%/72 ngày. Sau 63 ngày đến ngày 07/01/2018, Ng “góp” đủ 3.600.000 đồng cho C và C đã thu được tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 118.296 đồng, tiền thu lợi bất chính là 481.704 đồng. Lãi suất C thu lợi là 101,388%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 5 lần cho Huỳnh Thị Hằng Ng vay là 23.000.000 đồng, tiền lãi là 4.640.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất 450.278 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.189.722 đồng.

11. Nguyễn Thị L (Sinh năm: 1964, ngụ: 241/33/30 Đường B, PH4 H, Quận T). Vào khoảng năm 2019 (không rõ ngày), Nguyễn Thị L vay Nguyễn Bá C 5.000.000 đồng, mỗi ngày L trả tiền “đứng” 50.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 30 ngày đóng tiền “đứng” thì L không còn khả năng chi trả nên không trả tiền C. L còn nợ số tiền 5.000.000 đồng và C thu được tiền lãi là 1.500.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.417.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

12. Trần Quốc V (Sinh năm: 1975, HKTT: 403 Lô C3, Đường T, PH4 S, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 31/12/2018, Trần Quốc V vay Nguyễn Bá C 10.000.000 đồng, mỗi ngày “góp” 400.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, V phải trả C là 12.000.000 đồng. Sau 23 ngày góp tiền thì đến ngày 23/01/2019, V xin “dồn tiền” và C thu được tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.370 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.630 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Vào ngày 05/01/2018, V vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày đóng tiền “đứng” 50.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 17 ngày đóng tiền “đứng” đến ngày 21/01/2019, C thu được tiền lãi là 850.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 46.563 đồng, tiền thu lợi bất chính là 803.437 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Lần 3: Vào ngày 15/01/2019, V “dồn tiền” từ lần 1 và tiếp tục vay C 10.000.000 đồng, mỗi ngày “góp” 400.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, V phải trả C là 12.000.000 đồng. Sau 08 ngày “góp” tiền đến ngày 23/01/2019, C đã thu lãi từ khoản vay lần 3 là 1.200.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 43.832 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.156.168 đồng. Lãi suất C thu lợi trên 1 năm là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 4: Đến ngày 23/01/2019, V còn nợ C số tiền là 13.800.000 đồng (lần 2 là 5.000.000 đồng và lần 3 là 8.800.000 đồng) nên thỏa thuận C gộp 02 khoản vay lần 2 và lần 3 là 15.000.000 đồng. Mỗi ngày V đóng tiền “đứng” 150.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 22 ngày đóng tiền “đứng” đến ngày 13/02/2019 V không còn gặp C trả tiền. C thu được tiền lãi là 3.300.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 180.818 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.119.182 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Sau đó, V gặp C trả 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến nay V còn nợ C 4.000.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 4 lần cho Trần Quốc V vay là 25.000.000 đồng, tiền lãi là 7.350.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất 435.583 đồng, tiền thu lợi bất chính là 6.914.417 đồng.

13. Phó Hồng Đ (Sinh năm: 1990, HKTT: 266/40/42 Đường T, PH4 T, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 11/5/2018, Đ cầm giấy tờ xe Wave màu đen BS: 59C1-759.97 vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày Đ đóng tiền “đứng” 50.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 06 ngày đóng tiền “đứng” đến ngày 16/5/2018, Đ trả C 5.000.000 đồng và C thu được tiền lãi là 300.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 16.434 đồng, tiền thu lợi bất chính là 283.566 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Vào ngày 05/3/2019, Đ vay C số tiền 5.000.000 đồng và trả tiền “đứng” 50.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 10 ngày đóng tiền “đứng” đến ngày 14/3/2019, Đ trả C 5.000.000 đồng và C thu được tiền lãi là 500.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 27.390 đồng, tiền thu lợi bất chính là 472.610 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Lần 3: Vào ngày 28/3/2019, Đ cầm giấy khai sinh của con gặp C vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày Đ trả tiền “đứng” 50.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 62 ngày đóng tiền “đứng” đến ngày 28/5/2019, Đ trả C 5.000.000 đồng và C thu được tiền lãi là 3.100.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 169.818 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.930.182 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 3 lần cho Phó Hồng Đ vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 3.900.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất là 312.342 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.686.358 đồng.

14. Dương Văn Ng1 (Sinh năm: 1976, HKTT: 266/40/11 Đường T, PH4 T, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 22/6/2018, Ng1 cầm xe Wave màu đen BS: 59Y1-10989 vay C 10.000.000 đồng, mỗi tháng Ng1 đóng tiền “đứng” 1.000.000 đồng với lãi suất 10%/30 ngày. Đến ngày 22/8/2018, Ng1 đã trả C 10.000.000 đồng và C thu được tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 328.740 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.671.260 đồng. Lãi suất C thu lợi là 121,667%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Vào ngày 21/8/2018, Ng1 vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày Ng1 đóng tiền “góp” 200.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Ng1 phải trả C là 6.000.000 đồng. Sau 05 ngày đóng tiền “góp”, đến ngày 25/8/2018, Ng1 trả C số tiền còn lại là 5.000.000 đồng và C thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi trên 1 năm là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 2 lần cho Dương Văn Ng1 vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất là 410.910 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.589.090 đồng.

15. Nguyễn Thị Kim Th1 (Sinh năm: 1983, HKTT: 148/12/30/11 Đường T, PH4 T, Quận T). Vào ngày 17/01/2019, Th1 cầm giấy tờ xe Vision màu đỏ vay C 15.000.000 đồng, mỗi ngày Th1 đóng tiền “đứng” 150.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 05 ngày đóng tiền “đứng” là 750.000 đồng, đến ngày 22/01/2019, Th1 vay thêm C số tiền 5.000.000 đồng, Th1 vay C tổng cộng 20.000.000 đồng và thỏa thuận mỗi ngày Th1 đóng tiền “đứng” 200.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 46 ngày đóng tiền “đứng”, Th1 trả C 20.000.000 đồng và C thu được số tiền lãi là 9.200.000 đồng, tổng cộng 2 lần là 9.950.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 545.163 đồng, tiền thu lợi bất chính là 9.404.837 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

16. Nguyễn Thị Minh H2 (Sinh năm: 1989, HKTT: 148/12/30/11 Đường T, PH4 T, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 22/5/2020, H2 lấy giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy và xe gắn máy Wave màu đen BS: 59C1-07233 vay C 13.000.000 đồng, mỗi ngày H2 đóng tiền “đứng” 70.000 đồng với lãi suất 0,538%/01 ngày. Sau 25 ngày đến ngày 15/6/2020 (có 02 ngày H2 đóng 100.000 đồng/01 ngày), H2 viết giấy vay tiền để C không bán xe và mỗi ngày đóng tiền “đứng” 90.000 đồng. Đến ngày 28/6/2020, C đã thu lãi là 2.980.000 đồng ($23 \times 70.000 + 2 \times 100.000 + 13 \times 90.000$), trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 270.674 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.709.326 đồng. Lãi suất C thu lợi là 196,37%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Vào ngày 08/7/2020, H2 thỏa thuận còn nợ C 12.000.000 đồng và mỗi ngày “góp” 200.000 đồng trong vòng 75 ngày đủ số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 25%/75 ngày. Sau 15 ngày “góp” tiền đến ngày 22/7/2020 H2 góp được 3.000.000 đồng, do không còn khả năng góp tiếp nên H2 bán xe Wave BS: 59C1-07233 cho C để trừ nợ. C thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 98.625 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.901.375 đồng. Lãi suất C thu lợi là 121,667%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 2 lần cho Nguyễn Thị Minh H2 vay là 13.000.000 đồng, tiền lãi là 5.980.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất là 369.299 đồng, tiền thu lợi bất chính là 5.610.701 đồng.

17. Nguyễn Thanh T1 (Sinh năm: 1989, HKTT: 148/12/20/24 Đường T, PH4 M, Quận T). Vào ngày 09/9/2019, T1 cầm giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy Wave màu đen BS: 54Z1-9908 vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày T1 đóng tiền “đứng” 50.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 49 ngày đến ngày 29/10/2019, T1 mượn thêm 2.000.000 đồng nên mỗi ngày đóng tiền “đứng” 70.000 đồng. Sau 33 ngày đến ngày 01/12/2019, T1 mượn thêm 1.000.000 đồng nên mỗi ngày đóng tiền “đứng” 80.000 đồng. Sau 53 ngày, T1 trả C 8.000.000 đồng. C thu lãi là 9.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 493.065 đồng, tiền thu lợi bất chính là 8.506.935 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

18. Võ Quốc C (Sinh năm: 1976, HKTT: 122/27/42A Đường T, PH4 M, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 20/3/2019, Quốc C gặp Bá C vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày Quốc C đóng tiền “góp” 400.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Quốc C phải trả Bá C là 12.000.000 đồng. Sau 20 ngày “góp” tiền đến ngày 14/4/2019, Quốc C “dồn tiền” và Bá C thu được tiền lãi là 2.000.000

đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.370 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.630 đồng. Lãi suất Bá C thu lợi trên 1 năm là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2 vào ngày 14/4/2019, Quốc C “dồn tiền” và tiếp tục vay Bá C số tiền 10.000.000 đồng. mỗi ngày Quốc C đóng tiền “góp” 400.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Quốc C phải trả Bá C là 12.000.000 đồng. Sau 30 ngày “góp” tiền đến ngày 13/5/2019, Bá C thu được tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.370 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.630 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 3 vào ngày 13/5/2019, Quốc C vay Bá C số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày Quốc C đóng tiền “góp” 400.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Quốc C phải trả Bá C là 12.000.000 đồng. Sau 30 ngày “góp” tiền, Bá C thu được tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.370 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.630 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 4: Vào ngày 01/4/2019, Quốc C vay Bá C 10.000.000 đồng, mỗi ngày Quốc C đóng tiền “đứng” 100.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 21 ngày đóng tiền “đứng”, Quốc C trả Bá C 10.000.000 đồng và Bá C thu tiền lãi là 2.100.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 115.059 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.984.941 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 4 lần cho Võ Quốc C vay là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 8.100.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 608.169 đồng, tiền thu lợi bất chính là 7.491.831 đồng.

19. Nguyễn Tông Sang Ph1 (Sinh năm: 1978, HKTT: 1000W7 Đường Đ, Phường M, Quận T). Vào ngày 07/01/2020, Ph1 vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày Ph1 đóng tiền “đứng” 50.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 30 ngày đóng tiền “đứng”, Ph1 trả C 5.000.000 đồng và C thu được tiền lãi 1.500.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.417.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

20. Nguyễn Thị H3 (Sinh năm: 1970, HKTT: 214 Đường N, PH4 M, Quận T). Vào ngày 21/01/2018, H3 vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày H3 “góp” 200.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, H3 phải trả C là 6.000.000 đồng. Sau 26 ngày đến ngày 24/02/2018, H3 “góp” đủ 6.000.000 đồng cho C và C thu tiền lãi 1.000.000 đồng. trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

21. Phạm Thị S (Sinh năm: 1964, HKTT: 125/33A Đường Đ, Phường M, Quận T)

Lần 1: Vào ngày 12/3/2018, S vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày S đóng tiền “góp” 200.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, S phải trả C là 6.000.000 đồng. Sau 25 ngày đến ngày 05/4/2018, S “dồn tiền” và C đã thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2 vào ngày 05/4/2018, lần 3 vào ngày 02/6/2018, lần 4 vào ngày 24/6/2018, lần 5 vào ngày 22/7/2018, lần 6 vào ngày 15/8/2018, S “dồn tiền” và tiếp tục vay C mỗi lần là 5.000.000 đồng. S trả tiền “góp” với lãi suất như lần 1. S “góp” xong không còn nợ C. Mỗi lần góp C đã thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng trên 1 lần, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 6 lần cho Phạm Thị S vay là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 493.020 đồng, tiền thu lợi bất chính là 5.506.980 đồng.

22. Phạm Thị Ngọc L1 (Sinh năm: 1980, HKTT: 68/1 Đường L, PH4 M, Quận T, ngụ: 1010/21A Đường L, tổ S, ấp B, xã N, huyện N). Vào ngày 29/11/2018, L1 cầm giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy Luvias BS: 59L2-35943 vay C 10.000.000 đồng, mỗi ngày L1 đóng tiền “góp” 300.000 đồng trong vòng 40 ngày với lãi suất 20%/40 ngày L1 đóng được 05 ngày với số tiền 300.000 đồng/01 ngày. Do không còn khả năng “góp” 300.000 đồng/01 ngày nên L1 “góp” 200.000 đồng/01 ngày và góp được 08 ngày. Đến ngày 21/01/2019, L1 góp 50.000 đồng/01 ngày. Sau 125 ngày, L1 góp được 6.250.000 đồng thì không còn khả năng trả tiền. Đến ngày 20/12/2019, L1 “góp” 200.000 đồng/01 ngày cho C. Đến nay, L1 đã góp được 10.000.000 đồng và còn nợ 2.000.000 đồng. C đã thu được tiền lãi là 1.666.666 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 219.160 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.447.506 đồng. Lãi suất C thu lợi là 182,5%/01 năm (365 ngày).

23. Ngô Công G1 (Sinh năm: 1951, HKTT: 43/24 Đường Đ, Phường M, Quận T). Vào ngày 16/6/2019, G1 vay C số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày G1 đóng tiền “góp” 200.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, G1 phải trả C là 6.000.000 đồng. Sau đó, G1 “góp” đủ cho C 6.000.000 đồng và C thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

24. Lê Mỹ Ng2 (Sinh năm: 1992, HKTT: 03 Đường L, PH4 M, Quận T). Vào ngày 23/8/2019, Ng2 vay C 8.000.000 đồng, mỗi ngày Ng2 đóng tiền “góp” 160.000 đồng/01 ngày trong vòng 60 ngày với lãi suất 20%/60 ngày, Ng2 phải trả C là 9.600.000 đồng. Sau đó, Ng2 “góp” đủ cho C 9.600.000 đồng và C thu được tiền lãi là 1.600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 262.980 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.337.020 đồng. Lãi suất C thu lợi là 121,667%/01 năm (365 ngày).

25. Nguyễn Thị Ng3 (Sinh năm: 1979, HKTT: 165/91 Đường T, PH4 M, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 28/02/2018, Ng3 vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày Ng3 đóng tiền “góp” 200.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Ng3 phải trả C là 6.000.000 đồng. Sau 24 ngày “góp” tiền thì đến ngày 24/3/2018, Ng3 xin “dồn tiền” và C thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2 vào ngày 24/03/2018, Ng3 “dồn tiền” và tiếp tục vay C 5.000.000 đồng. Ng3 đóng tiền “góp” 200.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Ng3 phải trả C là 6.000.000 đồng. Sau 22 ngày “góp” tiền (trong đó có ngày 8/6/2018 Ng3 thêm góp 300.000 đồng) thì đến ngày 12/7/2018, Ng3 không còn khả năng “góp” 200.000 đồng/01 ngày nên Ng3 “góp” 50.000 đồng/01 ngày và “góp” đủ cho C số tiền 6.000.000 đồng. C đã thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 2 lần cho Nguyễn Thị Ng3 vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.340 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.660 đồng.

26. Nguyễn Tấn L2 (Sinh năm: 1980, Ngụ: 670/59/2/6 Đường Đ, Phường M, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 29/4/2018, L2 vay C 3.000.000 đồng, mỗi ngày L2 đóng tiền “góp” 120.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, L2 phải trả cho C là 3.600.000 đồng. Sau 23 ngày “góp” tiền thì đến ngày 24/5/2018, L2 xin dồn tiền và C thu được tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 49.290 đồng, tiền thu lợi bất chính là 550.710 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2 vào ngày 24/5/2018, lần 3 vào ngày 13/6/2018, lần 4 vào ngày 04/7/2018, lần 5 vào ngày 24/7/2018, lần 6 vào ngày 13/8/2018, lần 7 vào ngày 7/9/2018, lần 8 vào ngày 29/9/2018, lần 9 vào ngày 20/10/2018, lần 10 vào ngày 18/11/2018, L2 “dồn tiền” và tiếp tục vay C mỗi lần 3.000.000 đồng. L2 trả tiền “góp” với lãi suất như lần 1. L2 góp trả hết cho C. C thu được tiền lãi mỗi lần vay là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định mỗi lần vay là 49.290 đồng, tiền thu lợi bất chính là 550.710 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

+ Tổng số tiền Nguyễn Bá C thu lợi bất chính qua 10 lần (lần 01 đến lần 10) cho Nguyễn Tấn L2 vay là 5.507.100 đồng.

Lần 11: Vào ngày 08/12/2018, L2 vay C 4.000.000 đồng, mỗi ngày L2 đóng tiền “góp” 160.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, L2 phải trả C là 4.800.000 đồng. Sau 21 ngày “góp” tiền thì đến ngày 02/01/2019, L2 “dồn tiền” và C thu được tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 65.730 đồng, tiền thu lợi bất chính là 734.270 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 12 vào ngày 02/01/2019, lần 13 vào ngày 31/01/2019, lần 14 vào ngày 24/02/2019, lần 15 vào ngày 12/03/2019, lần 16 vào ngày 05/4/2019, lần 17 vào ngày 14/5/2019, L2 “dồn tiền” và tiếp tục vay C 4.000.000 đồng. L2 trả tiền “góp” với lãi suất như lần 11. L2 “góp” trả hết cho C. C thu được tiền lãi mỗi lần vay là 800.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định mỗi lần vay là 65.730 đồng, tiền thu lợi bất chính là 734.270 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

+ Tổng số tiền Nguyễn Bá C thu lợi bất chính qua 07 lần (lần 11 đến lần 17) cho Nguyễn Tấn L2 vay là 5.139.890 đồng.

Lần 18: Vào ngày 27/8/2019, L2 vay C 3.000.000 đồng, mỗi ngày L2 đóng tiền “góp” 120.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, L2 phải trả cho C là 3.600.000 đồng. Sau 22 ngày đến ngày 17/9/2019, L2 đã trả “góp” cho C là 3.600.000 đồng. C đã thu được tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 49.290 đồng, tiền thu lợi bất chính là 550.710 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 19: Vào ngày 26/9/2019, L2 vay C 4.000.000 đồng, mỗi ngày L2 đóng tiền “góp” 160.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày tương đương 243,333%/01 năm, L2 phải trả cho C là 4.800.000 đồng. Sau 26 ngày “góp” tiền thì đến ngày 01/11/2019, L2 xin dôn tiền và C đã thu được tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 65.730 đồng, tiền thu lợi bất chính là 734.270 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 20 vào ngày 01/11/2019, lần 21 vào ngày 08/12/2019, lần 22 vào ngày 06/01/2020, lần 23 vào ngày 07/5/2020, L2 “dôn tiền” và vay C 4.000.000 đồng. L2 trả tiền “góp” với lãi suất như lần 19. L2 “góp” trả hết cho C. C thu được tiền lãi mỗi lần vay là 800.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định mỗi lần vay là 65.730 đồng, tiền thu lợi bất chính là 734.270 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

+ Tổng số tiền Nguyễn Bá C thu lợi bất chính qua 04 lần (lần 20 đến lần 23) cho Nguyễn Tấn L2 vay là 3.671.350 đồng.

Lần 24: Vào ngày 14/6/2020, L2 vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày L2 đóng tiền “góp” 200.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, L2 phải trả C là 6.00.000 đồng. Sau 22 ngày “góp” tiền thì đến ngày 4/7/2020, L2 đã trả hết số tiền nợ C là 6.000.000 đồng. C đã thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định mỗi lần vay là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 24 lần cho Nguyễn Tấn L2 vay là 86.000.000 đồng, tiền lãi là 17.200.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 1.413.120 đồng, tiền thu lợi bất chính là 15.786.880 đồng.

27. Ngô Thị Tuyết M1 (SN: 1968, HKTT: 692/10D Đường Đ, Phường M, Quận T).

Lần 1: Vào khoảng năm 2019 (không rõ ngày), M1 cầm chứng M2 nhân dân và vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày M1 đóng tiền “góp” 250.000 đồng/01 ngày trong vòng 24 ngày với lãi suất 20%/24 ngày, M1 phải trả C là 6.000.000 đồng. Sau 16 ngày “góp” tiền thì M1 xin dôn tiền và C đã thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 65.736 đồng, tiền thu lợi bất chính là 934.264 đồng. Lãi suất C thu lợi là 304,167%/01 năm (365 ngày).

Lần 2, lần 3 trong năm 2019, M1 “dôn tiền” tiếp tục vay C 5.000.000 đồng. M1 trả tiền “góp” với lãi suất như lần 1. C thu được tiền lãi mỗi lần vay là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định mỗi lần vay là 65.736 đồng, tiền thu lợi bất chính là 934.264 đồng. Lãi suất C thu lợi là 304,167%/01 năm (365 ngày).

+ Tổng số tiền Nguyễn Bá C thu lợi bất chính qua 03 lần (lần 01 đến lần 03) cho Ngô Thị Tuyết M1 vay là 2.802.792 đồng.

Lần 4: M1 “dồn tiền” và tiếp tục vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày M1 đóng tiền “góp” 250.000 đồng/01 ngày trong vòng 24 ngày với lãi suất 20%/24 ngày, M1 phải trả C là 6.000.000 đồng. Sau khi “góp” được 15 ngày, M1 không còn khả năng góp tiền nên còn nợ C 2.250.000 đồng. C thu được tiền lãi là 625.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 41.085 đồng, tiền thu lợi bất chính là 583.915 đồng. Lãi suất C thu lợi là 304,167%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 04 lần cho Ngô Thị Tuyết M1 vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 3.625.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 238.293 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.386.707 đồng.

28. Dương K (Sinh năm: 1971, Ngụ: 345/53 Đường T, PH4 C, Quận M). Vào khoảng năm 2019 (không rõ ngày), Dương K cầm sổ hộ khẩu vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày K đóng tiền “góp” 100.000 đồng trong vòng 60 ngày với lãi suất 20%/60 ngày, K phải trả C là 6.000.000 đồng. Sau 15 ngày “góp” tiền thì K không có khả năng “góp” tiếp nên còn nợ C 4.500.000 đồng đến nay và C thu được tiền lãi là 250.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 41.085 đồng, tiền thu lợi bất chính là 208.915 đồng. Lãi suất C thu lợi là 121,667%/01 năm (365 ngày).

29. Từ Bửu M2 (Sinh năm: 1979, HKTT: 112/22/17/8 Đường Đ, PH4 M, quận B). Vào ngày 24/4/2019, M2 có nhờ 01 người bạn tên T (không rõ nhân thân lai lịch) dẫn đến gặp C vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày M2 đóng tiền “đứng” 50.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Hằng ngày M2 đưa tiền lãi cho T để T đóng cho C. Sau 69 ngày đóng tiền “đứng” thì đến ngày 10/7/2019, M2 đã trả hết số tiền 5.000.000 đồng vay của C. Lúc này, C đã thu được số tiền lãi là 3.450.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 188.991 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.261.009 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

30. Lê Thị T2 (Sinh năm: 1969, HKTT: 538/83/8 Đường Đ, Phường M, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 09/03/2018, T2 vay C 10.000.000 đồng, mỗi ngày T2 đóng tiền “góp” 300.000 đồng trong vòng 40 ngày với lãi suất 20%/40 ngày, T2 phải trả cho C là 12.000.000 đồng. Sau 27 ngày góp tiền đến ngày 07/4/2018 thì T2 xin “dồn tiền” và C đã thu được tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 219.160 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.780.840 đồng. Lãi suất C thu lợi là 182,5%/01 năm (365 ngày).

Lần 2 vào ngày 7/4/2018, lần 3 vào ngày 7/5/2018, lần 4 vào ngày 02/6/2018, lần 5 vào ngày 02/7/2018, lần 6 vào ngày 30/7/2018, lần 7 vào ngày 31/8/2018, lần 8 vào ngày 02/10/2018, lần 9 vào ngày 03/11/2018, lần 10 vào ngày 04/12/2018, lần 11 vào ngày 03/01/2019 T2 “dồn tiền” tiếp tục vay C 10.000.000 đồng. T2 trả tiền “góp” với lãi suất mỗi lần như lần 1. C thu được tiền lãi mỗi lần vay là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 219.160 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.780.840 đồng. Lãi suất C thu lợi là 182,5%/01 năm (365 ngày).

+ Tổng số tiền Nguyễn Bá C thu lợi bất chính qua 11 lần (lần 01 đến lần 11) cho Lê Thị T2 vay là 19.589.240 đồng.

Lần 12: Vào ngày 21/12/2018 T2 vay C 3.000.000 đồng, mỗi ngày T2 đóng tiền “đứng” 30.000 đồng với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 65 ngày đóng tiền lãi đến

ngày 25/02/2019 thì T2 đã trả hết tiền gốc cho C là 3.000.000 đồng và C đã thu được tiền lãi là 1.950.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 106.795 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.843.205 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 12 lần cho Lê Thị T2 vay là 113.000.000 đồng, tiền lãi là 22.950.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 1.517.555 đồng, tiền thu lợi bất chính là 21.432.445 đồng.

31. Nguyễn Thị Đ1 (Sinh năm: 1960, Ngụ: 277/49 Đường Đ, Phường M, Quận T).

Lần 1: Vào ngày 22/4/2020, Đ1 vay C 3.000.000 đồng, mỗi ngày Đ1 đóng tiền “góp” 120.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Đ1 phải trả cho C là 3.600.000 đồng. Sau 22 ngày “góp” tiền lãi đến ngày 20/5/2020 thì Đ1 xin “dồn tiền” và C đã thu được tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 49.290 đồng, tiền thu lợi bất chính là 550.710 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2 vào ngày 20/5/2020, Đ1 “dồn tiền” và vay Nguyễn Bá C số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày Đ1 đóng tiền “góp” 120.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Đ1 phải trả cho C là 3.600.000 đồng. Đ1 trả hết tiền cho C. C đã thu được tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 49.290 đồng, tiền thu lợi bất chính là 550.710 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 3: Vào ngày 03/6/2020, Đ1 vay Nguyễn Bá C 5.000.000 đồng, mỗi ngày Đ1 đóng tiền “góp” 200.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, Đ1 phải trả cho C là 6.000.000 đồng. Sau 13 ngày “góp” tiền lãi đến ngày 15/6/2020 thì Đ1 đã trả hết nợ cho C là 6.000.000 đồng nên C đã thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 03 lần cho Nguyễn Thị Đ1 vay là 11.000.000 đồng, tiền lãi là 2.200.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 180.750 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.019.250 đồng.

32. Trần Thị Kim H4 (Sinh năm: 1970, ngụ: 103/13 Đường Đ, Phường M, Quận T).

Lần 1: Vào khoảng năm 2018 (không rõ ngày), H4 đem chứng M2 nhân dân cầm và vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày H4 đóng tiền “góp” 150.000 đồng trong vòng 40 ngày với lãi suất 20%/40 ngày, H4 phải trả cho C là 6.000.000 đồng. Sau 07 ngày “góp” tiền lãi thì H4 xin “dồn tiền” và C thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 109.560 đồng, tiền thu lợi bất chính là 890.440 đồng. Lãi suất C thu lợi là 182,5%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Sau đó, H4 “dồn tiền” và tiếp tục vay Nguyễn Bá C 10.000.000 đồng. Mỗi ngày H4 đóng tiền “góp” 300.000 đồng trong vòng 40 ngày với lãi suất 20%/40 ngày, H4 phải trả cho C là 12.000.000 đồng. Do H4 không có khả năng chi trả nên chuyển đi nơi khác một thời gian và đã quay lại trả cho C được 11.000.000 đồng nên còn nợ lại 1.000.000 đồng cho đến nay. C đã thu được tiền lãi là

1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 219.160 đồng, tiền thu lợi bất chính là 780.840 đồng. Lãi suất C thu lợi là 182,5%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 02 lần cho Trần Thị Kim H4 vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 328.720 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.671.280 đồng.

33. Trần Thị Minh L3 (Sinh năm: 1965, ngụ: 277/28 Đường Đ, Phường M, Quận T).

Lần 1: Vào 05/01/2019, L3 vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày L3 đóng tiền “góp” 200.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, L3 phải trả cho C là 6.000.000 đồng. Sau 15 ngày “góp” tiền lãi đến ngày 19/01/2019 thì L3 “dồn tiền” và C thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Vào 19/01/2019, L3 xin “dồn tiền” và vay C 5.000.000 đồng, mỗi ngày L3 đóng tiền “góp” 200.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, L3 phải trả cho C là 6.000.000 đồng. Sau 06 ngày “góp” tiền được 1.200.000 đồng thì L3 đã trả số tiền còn lại là 4.800.000 đồng cho C và C đã thu được tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.170 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.830 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 02 lần cho Trần Thị Minh L3 vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.340 đồng, tiền thu lợi bất chính 1.835.660 đồng.

34. Trần Ngọc H5 (SN: 1975, Ngụ: 118 chung cư Đường Đ, Phường M, Quận T).

Lần 1: Vào 18/6/2020, H5 vay C 3.000.000 đồng, mỗi ngày H5 đóng tiền “góp” 120.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, H5 phải trả cho C là 3.600.000 đồng. Sau 18 ngày “góp” tiền lãi đến ngày 06/7/2020, H5 xin “dồn tiền” và C đã thu được tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 49.290 đồng, tiền thu lợi bất chính là 550.710 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 2: Vào 06/7/2020, H5 “dồn tiền” và tiếp tục vay C 3.000.000 đồng, mỗi ngày H5 đóng tiền “góp” 120.000 đồng trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, H5 phải trả cho C là 3.600.000 đồng. H5 “góp” tiền đến ngày 26/7/2020, H5 xin “dồn tiền” và C đã thu được tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 49.290 đồng, tiền thu lợi bất chính là 550.710 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 3: Vào 26/7/2020, H5 “dồn tiền” và tiếp tục vay C 4.000.000 đồng, mỗi ngày H5 đóng tiền “góp” 160.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, H5 phải trả cho C là 4.800.000 đồng. Sau 11 ngày “góp” tiền lãi đến ngày 13/8/2019 thì H5 đã trả hết số tiền nợ C và C thu được tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 65.730 đồng, tiền thu lợi bất chính là 734.270 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 4: Vào 13/8/2020, H5 vay C số tiền 2.000.000 đồng, mỗi ngày H5 đóng tiền “góp” 80.000 đồng/01 ngày trong vòng 30 ngày với lãi suất 20%/30 ngày, H5 phải trả cho C là 2.400.000 đồng. Sau 12 ngày “góp” tiền lãi thì H5 đã trả hết số tiền nợ C là 2.400.000 đồng và C thu được tiền lãi là 400.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 32.850 đồng, tiền thu lợi bất chính là 367.150 đồng. Lãi suất C thu lợi là 243,333%/01 năm (365 ngày).

Lần 5: Vào 16/8/2020, H5 vay C 1.000.000 đồng, mỗi ngày H5 đóng tiền “đứng” 10.000 đồng/01 ngày với lãi suất 01%/01 ngày. Sau 10 ngày đóng tiền lãi thì H5 đã trả hết số tiền nợ C là 1.000.000 đồng và C đã thu được tiền lãi là 100.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 5.470 đồng, tiền thu lợi bất chính là 94.530 đồng. Lãi suất C thu lợi là 365%/01 năm (365 ngày).

Tổng số tiền Nguyễn Bá C qua 05 lần cho Trần Ngọc H5 vay là 13.000.000 đồng, tiền lãi là 2.500.000 đồng, trong đó: tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 202.630 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.297.370 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Bá C đã cho 34 người vay là 772.000.000 đồng và thu lợi bất chính là: 193.891.453 đồng.

* Vật chứng vụ án:

- 21 cuốn sổ thể hiện ghi chép người vay mượn tiền, 09 tờ giấy vay tiền năm 2020.

- 19 tờ chứng minh nhân dân, căn cước công dân: số 02214xxxx tên Nguyễn Thị L, số 02041xxxx tên Trường Mạnh H, số 07917000xxxx tên Trần Thị Kim H4, số 02606xxxx tên Nguyễn Ngọc K2, số 08007500xxxx tên Phan Cảnh Q, số 02228xxxx tên Ngô Thị Tuyết M1, số 02214xxxx tên Nguyễn Thị H3, số 36632xxxx tên Phan Thanh T, số 02228xxxx tên Nguyễn Thị Ng, số 02543xxxx tên Nguyễn Thanh S, số 02445xxxx tên Đặng Anh T, số 07918300xxxx tên Nguyễn Thị Thanh Ng1, số 02260xxxx tên Trương Bích L, số 07930001xxxx tên Huỳnh Yên Ph, số 02027xxxx tên Lê Thị Nh, số 07908000xxxx tên Nguyễn Thanh H, số 07916500xxxx tên Nguyễn Thị Tr, số 07909500xxxx tên Huỳnh Trương Anh Ph1, số 07907100xxxx tên Nguyễn Hoàng Th.

- 08 giấy đăng ký xe gắn máy: số 153509 tên Lê Văn B, số 028807 tên Phạm Thị Kim Ng1, số 0039801 tên Lê Việt Th, số 008368 tên Lê Minh H, số 012905 tên Nguyễn Thị Thu H1, số 029297 tên Võ Duy Nh, số 040456 tên Huỳnh Văn T, số 010239 tên Lê Thanh Th.

- 10 giấy phép lái xe: số 0426.51C tên Lưu Văn T, số V746219 tên Mạch Quây U, số S400605 tên Phạm Thị Tuyết Tr, số L733138 tên Tiết Thị Diễm Th, số AA548269 tên Trần Văn S, số R944174 tên Trần Thị Bích Ng1, số AF928279 tên Lê Thị Mỹ D, số K368534 tên Đỗ Thị Ngọc H, số AK009033 tên Trần Văn Nh, số 791036240604 tên Võ Thuý H1.

- 01 cuốn hộ chiếu số B0528563 tên Trần Thị Thanh Th.

- 03 cuốn sổ hộ khẩu số 3101007xxxx tên Dương K, số 3103002xxxx Lê Thị L, số 3103006xxxx tên Huỳnh Văn L.

Ngoài ra, còn tạm giữ của C:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS vỏ màu vàng, có ốp lưng nhựa, số sim: 0945523866, số IMEI: 353168100115540; 01 (một) điện thoại di động hiệu

Nokia vỏ màu đen, số sim: 0963349332, số IMEI1: 357704106434620. Qua kiểm tra điện thoại di động không liên quan đến hành vi cho vay.

- 01 xe gắn máy Kawasaki Z1000 biển số 51A-0108. Đây là xe gắn máy tạm giữ trong quá trình Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện xe gắn máy Kawasaki để bên trong nhà số 250 Đường Đ, Phường M, Quận T. Tại Cơ quan Công an, C trình bày đây là tài sản do một người đàn ông đến cầm đồ nhưng thời gian đã lâu vẫn chưa trả tiền đã vay khi cầm xe này. Do thời gian đã lâu nên C không nhớ đặc điểm người đàn ông này và hiện nay đã làm mất giấy tờ cầm đồ xe này. Qua xác M2 không có dữ liệu tra cứu. Giám định biển số 51A-0108 là giả. Qua giám định, xe gắn máy Kawasaki Z1000 có số máy T00AE-056102, số khung CA169A-029119 nguyên thủy.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Bá C thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Cáo trạng số 167/CT-VKS ngày 12/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố bị cáo Nguyễn Bá C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Bá C 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với số tiền cho vay gốc được xác định là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước là 772.000.000 đồng, gồm:

+ Tiền gốc 15.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Bùi Thành Th vay thì Th1ệt chỉ trả cho bị cáo C 21.000.000 đồng tiền lãi, còn 15.000.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Bùi Thành Th nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Th1ệt vay chưa trả là 15.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 170.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Thị Nam Ph vay thì Ph đã trả cho bị cáo C 170.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại số tiền gốc là 170.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 3.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trương Mạnh H vay thì H đã trả cho bị cáo C 3.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại số tiền gốc là 3.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 8.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Ngô Thị Ph vay thì Ph đã trả cho bị cáo C 8.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại số tiền gốc là 8.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 6.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Việt T vay thì T đã trả cho bị cáo C 6.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại số tiền gốc là 6.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 7.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Vương Thanh G vay thì G chưa trả cho bị cáo C khoản tiền gốc nào nên buộc Vương Thanh G nộp lại số tiền gốc 7.000.000 đồng là phương tiện phạm tội mà bị cáo C đã cho G vay để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 5.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Hồ Ngọc M vay thì M đã trả cho bị cáo C 1.500.000 đồng tiền gốc, còn lại 3.500.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Trần Hồ Ngọc M nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho M vay chưa trả là 3.500.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 1.500.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà M đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 31.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Lê Thị B vay thì B đã trả cho bị cáo C 20.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 11.000.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Lê Thị B nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho B vay chưa trả là 11.000.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 20.000.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà B đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 12.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Võ Thị Ngọc H1 vay thì H1 đã trả cho bị cáo C 12.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 12.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 23.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Huỳnh Thị Hằng Ng vay thì Ng đã trả cho bị cáo C 23.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 23.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị L vay thì L chưa trả cho bị cáo C khoản tiền gốc nào nên buộc Nguyễn Thị L nộp lại số tiền gốc 5.000.000 đồng là phương tiện phạm tội mà bị cáo C đã cho L vay để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 25.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Quốc V vay thì V đã trả cho bị cáo C 21.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 4.000.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Trần Quốc V nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho V vay chưa trả là 4.000.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 21.000.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà V đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 15.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Phó Hồng Đ vay thì Đ đã trả cho bị cáo C 15.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 15.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 15.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Dương Văn Ng1 vay thì Ng1 đã trả cho bị cáo C 15.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 15.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 20.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Kim Th1 vay thì Th1 đã trả cho bị cáo C 20.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 20.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 13.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Minh H2 vay thì H đã trả cho bị cáo C 13.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 13.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 8.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thanh T1 vay thì T1 đã trả cho bị cáo C 8.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 8.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 40.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Quốc C vay thì Quốc C đã trả cho bị cáo C 40.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 40.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Tòng Sang Ph1 vay thì Ph1 đã trả cho bị cáo C 5.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị H3 vay thì H3 đã trả cho bị cáo C 5.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 30.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Phạm Thị S vay thì S đã trả cho bị cáo C 30.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 30.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 10.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Phạm Thị Ngọc L1 vay thì L1 đã trả cho bị cáo C 8.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 2.000.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Phạm Thị Ngọc L1 nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho L1 vay chưa trả là 2.000.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 8.000.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà L1 đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Ngô Công G1 vay thì G1 đã trả cho bị cáo C 5.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 8.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Lê Mỹ Ng2 vay thì Ng2 đã trả cho bị cáo C 8.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 8.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 10.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Ng3 vay thì Ng3 đã trả cho bị cáo C 10.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 10.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 86.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Tấn L2 vay thì L2 đã trả cho bị cáo C 86.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 86.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 20.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Ngô Thị Tuyết M1 vay thì M1 đã trả cho bị cáo C 17.750.000 đồng tiền gốc, còn lại 2.250.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Ngô Thị Tuyết M1 nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho M1 vay chưa trả là 2.250.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 17.750.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà M1 đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 5.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Dương K vay thì K đã trả cho bị cáo C 500.000 đồng tiền gốc, còn lại 4.500.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Dương K nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho K vay chưa trả là 4.500.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 500.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà K đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Từ Bửu M2 vay thì M2 đã trả cho bị cáo C 5.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 113.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Lê Thị T2 vay thì T2 đã trả cho bị cáo C 113.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 113.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 11.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Đ1 vay thì Đ1 đã trả cho bị cáo C 11.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 11.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 15.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Thị Kim H4 vay thì H4 đã trả cho bị cáo C 14.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 1.000.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Trần Thị Kim H4 nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho H4 vay chưa trả là 1.000.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 14.000.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà H4 đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 10.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Thị Minh L3 vay thì L đã trả cho bị cáo C 10.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 10.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 13.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Ngọc H5 vay thì H5 đã trả cho bị cáo C 13.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 13.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền tương ứng với mức lãi suất 20%/năm tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên phải tịch thu sung quỹ nhà nước, do đó đề nghị:

Buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại số tiền lãi phát sinh từ tội phạm tương ứng với mức lãi suất 20%/năm từ việc cho vay đối với: Bùi Thành Th là 1.750.000 đồng, Trần Thị Nam Ph là 2.958.660 đồng, Trương Mạnh H là 49.290 đồng, Ngô Thị Ph là 131.460 đồng, Nguyễn Việt T là 98.580 đồng, Vương Thanh G là 326.113 đồng, Trần Hồ Ngọc M là 246.510 đồng, Lê Thị B là 639.334 đồng, Võ Thị Ngọc H1 là 197.160 đồng, Huỳnh Thị Hằng Ng là 450.278 đồng, Nguyễn Thị L là 82.170 đồng, Trần Quốc V là 435.583 đồng, Phó Hồng Đ là 312.342 đồng, Dương Văn Ng1 là 410.910 đồng, Nguyễn Thị Kim Th1 545.163 đồng, Nguyễn Thị Minh H2 là 369.299 đồng, Nguyễn Thanh T1 là 493.065 đồng, Võ Quốc C là 608.169 đồng, Nguyễn Tông Sang Ph1 là 82.170 đồng, Nguyễn Thị H3 là 82.170 đồng, Phạm Thị S là 493.020 đồng, Phạm Thị Ngọc L1 là 219.160 đồng, Ngô Công G1 là 82.170 đồng, Lê Mỹ Ng2 là 262.980 đồng, Nguyễn Thị Ng3 là 164.340 đồng, Nguyễn Tấn

L2 là 1.413.120 đồng, Ngô Thị Tuyết M1 là 238.293 đồng, Dương K là 41.085 đồng, Từ Bửu M2 là 188.991 đồng, Lê Thị T2 là 1.517.555 đồng, Nguyễn Thị Đ1 là 180.750 đồng, Trần Thị Kim H4 là 328.720 đồng, Trần Thị Minh L3 là 164.340 đồng, Trần Ngọc H5 là 202.630 đồng.

Do không có căn cứ để xác định những người vay tiền của bị cáo Nguyễn Bá C sử dụng vào mục đích bất hợp pháp (như đánh bạc, mua bán trái phép chất ma túy, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ...) nên đề nghị trả lại cho những người đã vay của bị cáo Nguyễn Bá C khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo C thực tế đã thu, gồm:

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Bùi Thành Th số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Th1let vay là 19.250.000 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Thị Nam Ph số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ph vay là 35.041.340 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trương Mạnh H số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H vay là 550.710 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Ngô Thị Ph số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ph1 vay là 1.468.540 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Việt T số tiền thu lợi bất chính từ việc cho T vay là 1.101.420 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Vương Thanh G số tiền thu lợi bất chính từ việc cho G vay là 5.420.554 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Hồ Ngọc M số tiền thu lợi bất chính từ việc cho M vay là 4.253.490 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Lê Thị B số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Bằng vay là 9.510.666 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Võ Thị Ngọc H1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H1 vay là 2.202.840 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Huỳnh Thị Hằng Ng số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng vay là 4.189.722 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị L số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L vay là 1.417.830 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Quốc V số tiền thu lợi bất chính từ việc cho V vay là 6.914.417 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Phó Hồng Đ số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Đ vay là 3.686.358 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Dương Văn Ng1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng1 vay là 2.589.090 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Kim Th1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Th1 vay là 9.404.837 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Minh H2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H vay là 5.610.701 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thanh T1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho T1 vay là 8.506.935 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Võ Quốc C số tiền thu lợi bất chính từ việc cho C vay là 7.491.831 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Tông Sang Ph1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ph1 vay là 1.417.830 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị H3 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H3 vay là 917.830 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Phạm Thị S số tiền thu lợi bất chính từ việc cho S vay là 5.506.980 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Phạm Thị Ngọc L1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L1 vay là 1.447.506 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Ngô Công G1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho G1 vay là 917.830 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Lê Mỹ Ng2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng1 vay là 1.337.020 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Ng3 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng3 vay là 1.835.660 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Tấn L2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L2 vay là 15.786.880 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Ngô Thị Tuyết M1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho M1 vay là 3.386.707 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Dương K số tiền thu lợi bất chính từ việc cho K vay là 208.915 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Từ Bửu M2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho M2 vay là 3.261.009 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Lê Thị T2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho T2 vay là 21.432.445 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Đ1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Đ1 vay là 2.019.250 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Thị Kim H4 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H4 vay là 1.671.280 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Thị Minh L3 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L vay là 1.835.660 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Ngọc H5 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H5 vay là 2.297.370 đồng;

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Bá C không yêu cầu những người đã vay trả số tiền còn nợ của C nên không có gì để xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 21 cuốn sổ thẻ hiện ghi chép người vay mượn tiền, 09 tờ giấy vay tiền năm 2020.

- Trả lại 19 tờ chứng minh nhân dân, căn cước công dân: số 02214xxxxx tên Nguyễn Thị L, số 02041xxxxx tên Trương Mạnh H, số 07917000xxxxx tên Trần Thị Kim H4, số 02606xxxxx tên Nguyễn Ngọc K2, số 08007500xxxxx tên Phan Cảnh Q, số 02228xxxxx tên Ngô Thị Tuyết M1, số 02214xxxxx tên Nguyễn Thị H3, số 36632xxxxx tên Phan Thanh T, số 02228xxxxx tên Nguyễn Thị Ng, số 02543xxxxx tên Nguyễn Thanh S, số 02445xxxxx tên Đặng Anh T, số 07918300xxxxx tên Nguyễn Thị Thanh Ng1, số 02260xxxxx tên Trương Bích L, số 07930001xxxxx tên Huỳnh Yên Ph, số 02027xxxxx tên Lê Thị Nh, số 07908000xxxxx tên Nguyễn Thanh H, số 07916500xxxxx tên Nguyễn Thị Tr, số 07909500xxxxx tên Huỳnh Trương Anh Ph1, số 07907100xxxxx tên Nguyễn Hoàng Th.

- Trả lại 08 giấy đăng ký xe gắn máy: số 153509 tên Lê Văn B, số 028807 tên Phạm Thị Kim Ng1, số 0039801 tên Lê Việt Th, số 008368 tên Lê Minh H, số 012905 tên Nguyễn Thị Thu H1, số 029297 tên Võ Duy Nh, số 040456 tên Huỳnh Văn T, số 010239 tên Lê Thanh Th.

- Trả lại 10 giấy phép lái xe: số 0426.51C tên Lưu Văn T, số V746219 tên Mạch Quây U, số S400605 tên Phạm Thị Tuyết Tr, số L733138 tên Tiết Thị Diễm Th, số AA548269 tên Trần Văn S, số R944174 tên Trần Thị Bích Ng1, số AF928279 tên Lê Thị Mỹ D, số K368534 tên Đỗ Thị Ngọc H, số AK009033 tên Trần Văn Nh, số 791036240604 tên Võ Thuý H1.

- Trả lại 01 cuốn hộ chiếu số B0528563 tên Trần Thị Thanh Th.

- Trả lại 03 cuốn sổ hộ khẩu số 31010078021 tên Dương K, số 31030022586 Lê Thị L, số 31030060551 tên Huỳnh Văn L.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá C 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS vỏ màu vàng, có ốp lưng nhựa, số sim: 0945523866, số IMEI: 353168100115540; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia vỏ màu đen, số sim: 0963349332, số IMEI1: 357704106434620 thu giữ của bị cáo Nguyễn Bá C không liên quan đến hành vi cho vay của bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá C 01 xe gắn máy Kawasaki Z1000 biển số 51A-0108 có số máy T00AE-056102, số khung CA169A-029119 nguyên thủy. Tịch thu tiêu hủy biển số 51A-0108 do qua giám định biển số 51A-0108 là giả.

Phản tranh luận: Bị cáo Nguyễn Bá C không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo Nguyễn Bá C không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Bá C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến ngày 30/9/2020. Nguyễn Bá C đã có hành vi cho người 34 người khác vay với số tiền cho vay là 767.000.000 đồng với lãi suất từ 121%/năm đến 356%/năm, thu lợi bất chính với tổng số tiền là 193.891.453 đồng,

Hành vi của bị cáo Nguyễn Bá C đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Để có tác dụng giáo dục và răn đe, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm cần có mức án tương xứng để xử phạt. Tuy nhiên, xét bị cáo thành khẩn khai báo, nên khi lượng hình có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4]. Xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm: Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với số tiền cho vay gốc được xác định là Ph tiện phạm tội cần phải tịch thu sung quỹ nhà nước là 772.000.000 đồng, gồm:

+ Tiền gốc 15.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Bùi Thành Th vay thì Th1ệt chỉ trả cho bị cáo C 21.000.000 đồng tiền lãi, còn 15.000.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Bùi Thành Th nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Th1ệt vay chưa trả là 15.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 170.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Thị Nam Ph vay thì Ph đã trả cho bị cáo C 170.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại số tiền gốc là 170.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 3.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trương Mạnh H vay thì H đã trả cho bị cáo C 3.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại số tiền gốc là 3.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 8.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Ngô Thị Ph vay thì Ph1 đã trả cho bị cáo C 8.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại số tiền gốc là 8.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 6.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Việt T vay thì T đã trả cho bị cáo C 6.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại số tiền gốc là 6.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 7.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Vương Thanh G vay thì G chưa trả cho bị cáo C khoản tiền gốc nào nên buộc Vương Thanh G nộp lại số tiền

gốc 7.000.000 đồng là phương tiện phạm tội mà bị cáo C đã cho G vay để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 5.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Hồ Ngọc M vay thì M đã trả cho bị cáo C 1.500.000 đồng tiền gốc, còn lại 3.500.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Trần Hồ Ngọc M nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho M vay chưa trả là 3.500.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 1.500.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà M đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 31.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Lê Thị B vay thì Bằng đã trả cho bị cáo C 20.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 11.000.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Lê Thị B nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Bằng vay chưa trả là 11.000.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 20.000.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà Bằng đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 12.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Võ Thị Ngọc H1 vay thì H1 đã trả cho bị cáo C 12.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 12.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 23.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Huỳnh Thị Hằng Ng vay thì Ng đã trả cho bị cáo C 23.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 23.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị L vay thì L chưa trả cho bị cáo C khoản tiền gốc nào nên buộc Nguyễn Thị L nộp lại số tiền gốc 5.000.000 đồng là phương tiện phạm tội mà bị cáo C đã cho L vay để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 25.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Quốc V vay thì V đã trả cho bị cáo C 21.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 4.000.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Trần Quốc V nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho V vay chưa trả là 4.000.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 21.000.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà V đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 15.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Phó Hồng Đ vay thì Đ đã trả cho bị cáo C 15.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 15.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 15.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Dương Văn Ng1 vay thì Ng1 đã trả cho bị cáo C 15.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 15.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 20.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Kim Th1 vay thì Th1 đã trả cho bị cáo C 20.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 20.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 13.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Minh H2 vay thì H đã trả cho bị cáo C 13.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 13.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 8.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thanh T1 vay thì T1 đã trả cho bị cáo C 8.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 8.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 40.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Quốc C vay thì Quốc C đã trả cho bị cáo C 40.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 40.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Tòng Sang Ph1 vay thì Ph1 đã trả cho bị cáo C 5.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị H3 vay thì H3 đã trả cho bị cáo C 5.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 30.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Phạm Thị S vay thì S đã trả cho bị cáo C 30.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 30.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 10.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Phạm Thị Ngọc L1 vay thì L1 đã trả cho bị cáo C 8.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 2.000.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Phạm Thị Ngọc L1 nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho L1 vay chưa trả là 2.000.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 8.000.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà L1 đã trả lại cho bị cáo C để sung **quỹ nhà nước**.

+ Tiền gốc 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Ngô Công G1 vay thì G1 đã trả cho bị cáo C 5.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 8.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Lê Mỹ Ng2 vay thì Ng1 đã trả cho bị cáo C 8.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 8.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 10.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Ng3 vay thì Ng3 đã trả cho bị cáo C 10.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 10.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 86.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Tấn L2 vay thì L2 đã trả cho bị cáo C 86.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 86.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 20.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Ngô Thị Tuyết M1 vay thì M1 đã trả cho bị cáo C 17.750.000 đồng tiền gốc, còn lại 2.250.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Ngô Thị Tuyết M1 nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho M1 vay chưa trả là 2.250.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 17.750.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà M1 đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 5.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Dương K vay thì K đã trả cho bị cáo C 500.000 đồng tiền gốc, còn lại 4.500.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Dương K nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo

Nguyễn Bá C đã cho K vay chưa trả là 4.500.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 500.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà K đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Từ Bửu M2 vay thì M2 đã trả cho bị cáo C 5.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 113.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Lê Thị T2 vay thì T2 đã trả cho bị cáo C 113.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 113.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 11.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Đ1 vay thì Đ1 đã trả cho bị cáo C 11.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 11.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Trong số 15.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Thị Kim H4 vay thì H4 đã trả cho bị cáo C 14.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 1.000.000 đồng tiền gốc chưa trả nên buộc Trần Thị Kim H4 nộp lại số tiền gốc là phương tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho H4 vay chưa trả là 1.000.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 14.000.000 đồng tiền gốc đã cho vay mà H4 đã trả lại cho bị cáo C để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 10.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Thị Minh L3 vay thì L đã trả cho bị cáo C 10.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 10.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Tiền gốc 13.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Ngọc H5 vay thì H5 đã trả cho bị cáo C 13.000.000 đồng tiền gốc là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại 13.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền tương ứng với mức lãi suất 20%/năm tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên phải tịch thu sung quỹ nhà nước, do đó đề nghị:

Buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại số tiền lãi phát sinh từ tội phạm tương ứng với mức lãi suất 20%/năm từ việc cho vay đối với: Bùi Thành Th là 1.750.000 đồng, Trần Thị Nam Ph là 2.958.660 đồng, Trương Mạnh H là 49.290 đồng, Ngô Thị Ph là 131.460 đồng, Nguyễn Việt T là 98.580 đồng, Vương Thanh G là 326.113 đồng, Trần Hồ Ngọc M là 246.510 đồng, Lê Thị B là 639.334 đồng, Võ Thị Ngọc H1 là 197.160 đồng, Huỳnh Thị Hằng Ng là 450.278 đồng, Nguyễn Thị L là 82.170 đồng, Trần Quốc V là 435.583 đồng, Phó Hồng Đ là 312.342 đồng, Dương Văn Ng1 là 410.910 đồng, Nguyễn Thị Kim Th1 545.163 đồng, Nguyễn Thị Minh H2 là 369.299 đồng, Nguyễn Thanh T1 là 493.065 đồng, Võ Quốc C là 608.169 đồng, Nguyễn Tòng Sang Ph1 là 82.170 đồng, Nguyễn Thị H3 là 82.170 đồng, Phạm Thị S là 493.020 đồng, Phạm Thị Ngọc L1 là 219.160 đồng, Ngô Công G1 là 82.170 đồng, Lê Mỹ Ng2 là 262.980 đồng, Nguyễn Thị Ng3 là 164.340 đồng, Nguyễn Tấn L2 là 1.413.120 đồng, Ngô Thị Tuyết M1 là 238.293 đồng, Dương K là 41.085 đồng, Từ Bửu M2 là 188.991 đồng, Lê Thị T2 là 1.517.555 đồng, Nguyễn Thị Đ1

là 180.750 đồng, Trần Thị Kim H4 là 328.720 đồng, Trần Thị Minh L3 là 164.340 đồng, Trần Ngọc H5 là 202.630 đồng.

Do không có căn cứ để xác định những người vay tiền của bị cáo Nguyễn Bá C sử dụng vào mục đích bất hợp pháp (như đánh bạc, mua bán trái phép chất ma túy, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ...) nên đề nghị trả lại cho những người đã vay của bị cáo Nguyễn Bá C khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo C thực tế đã thu, gồm:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Bùi Thành Th số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Th1let vay là 19.250.000 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Thị Nam Ph số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ph vay là 35.041.340 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trương Mạnh H số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H vay là 550.710 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Ngô Thị Ph số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ph1 vay là 1.468.540 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Việt T số tiền thu lợi bất chính từ việc cho T vay là 1.101.420 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Vương Thanh G số tiền thu lợi bất chính từ việc cho G vay là 5.420.554 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Hồ Ngọc M số tiền thu lợi bất chính từ việc cho M vay là 4.253.490 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Lê Thị B số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Bằng vay là 9.510.666 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Võ Thị Ngọc H1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H1 vay là 2.202.840 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Huỳnh Thị Hằng Ng số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng vay là 4.189.722 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị L số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L vay là 1.417.830 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Quốc V số tiền thu lợi bất chính từ việc cho V vay là 6.914.417 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Phó Hồng Đ số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Đ vay là 3.686.358 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Dương Văn Ng1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng1 vay là 2.589.090 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Kim Th1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Th1 vay là 9.404.837 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Minh H2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H vay là 5.610.701 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thanh T1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho T1 vay là 8.506.935 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Võ Quốc C số tiền thu lợi bất chính từ việc cho C vay là 7.491.831 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Tòng Sang Ph1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ph1 vay là 1.417.830 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị H3 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H3 vay là 917.830 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Phạm Thị S số tiền thu lợi bất chính từ việc cho S vay là 5.506.980 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Phạm Thị Ngọc L1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L1 vay là 1.447.506 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Ngô Công G1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho G1 vay là 917.830 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Lê Mỹ Ng2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng1 vay là 1.337.020 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Ng3 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng3 vay là 1.835.660 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Tấn L2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L2 vay là 15.786.880 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Ngô Thị Tuyết M1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho M1 vay là 3.386.707 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Dương K số tiền thu lợi bất chính từ việc cho K vay là 208.915 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Từ Bửu M2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho M2 vay là 3.261.009 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Lê Thị T2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho T2 vay là 21.432.445 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Đ1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Đ1 vay là 2.019.250 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Thị Kim H4 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H4 vay là 1.671.280 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Thị Minh L3 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L vay là 1.835.660 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Ngọc H5 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H5 vay là 2.297.370 đồng;

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Bá C không yêu cầu những người liên quan trả số tiền còn nợ của C nên Hội đồng xét xử không có gì để xem xét giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- 21 cuốn sổ thể hiện ghi chép người vay mượn tiền, 09 tờ giấy vay tiền năm 2020 là chứng cứ nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- 19 tờ chứng minh nhân dân, căn cước công dân: số 02214xxxx tên Nguyễn Thị L, số 02041xxxx tên Trương Mạnh H, số 07917000xxxx tên Trần Thị Kim H4, số 02606xxxx tên Nguyễn Ngọc K2, số 08007500xxxx tên Phan Cảnh Q, số 02228xxxx tên Ngô Thị Tuyết M1, số 02214xxxx tên Nguyễn Thị H3, số 36632xxxx tên Phan Thanh T, số 02228xxxx tên Nguyễn Thị Ng, số 02543xxxx

tên Nguyễn Thanh S, số 02445xxxx tên Đặng Anh T, số 07918300xxxx tên Nguyễn Thị Thanh Ng1, số 02260xxxx tên Trương Bích L, số 07930001xxxx tên Huỳnh Yên Ph, số 02027xxxx tên Lê Thị Nh, số 07908000xxxx tên Nguyễn Thanh H, số 07916500xxxx tên Nguyễn Thị Tr, số 07909500xxxx tên Huỳnh Trương Anh Ph1, số 07907100xxxx tên Nguyễn Hoàng Th là giấy tờ nhân thân nên cần trả lại cho người được cấp chứng minh nhân dân, căn cước công dân nêu trên.

- 08 giấy đăng ký xe gắn máy: số 153509 tên Lê Văn B, số 028807 tên Phạm Thị Kim Ng1, số 0039801 tên Lê Việt Th, số 008368 tên Lê Minh H, số 012905 tên Nguyễn Thị Thu H1, số 029297 tên Võ Duy Nh, số 040456 tên Huỳnh Văn T, số 010239 tên Lê Thanh Th cần trả lại cho người được cấp giấy đăng ký xe máy.

- 10 giấy phép lái xe: số 0426.51C tên Lưu Văn T, số V746219 tên Mạch Quây U, số S400605 tên Phạm Thị Tuyết Tr, số L733138 tên Tiết Thị Diễm Th, số AA548269 tên Trần Văn S, số R944174 tên Trần Thị Bích Ng1, số AF928279 tên Lê Thị Mỹ D, số K368534 tên Đỗ Thị Ngọc H, số AK009033 tên Trần Văn Nh, số 791036240604 tên Võ Thuý H1 cần trả lại cho người được cấp giấy phép lái xe.

- 01 cuốn hộ chiếu số B0528563 tên Trần Thị Thanh Th cần trả lại cho bà Trần Thanh Thủy.

- 03 cuốn sổ hộ khẩu số 3101007xxxx tên Dương K, số 3103002xxxx Lê Thị L, số 3103006xxxx tên Huỳnh Văn L cần trả lại cho người được cấp sổ hộ khẩu là Dương K, Lê Thị L và Huỳnh Văn L.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS vỏ màu vàng, có ốp lưng nhựa, số sim: 0945523866, số IMEI: 353168100115540; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia vỏ màu đen, số sim: 0963349332, số IMEI1: 357704106434620 thu giữ của bị cáo Nguyễn Bá C không liên quan đến hành vi cho vay của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá C

- 01 xe gắn máy Kawasaki Z1000 biển số 51A-0108 có số máy T00AE-056102, số khung CA169A-029119 nguyên thủy không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá C. 01 biển số 51A-0108 do qua giám định biển số 51A-0108 là giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH4 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Bá C 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Bá C phải nộp lại số tiền gốc 716.750.000 (bảy trăm mười sáu triệu bảy trăm năm mươi) đồng là Ph tiện phạm tội để sung quỹ nhà nước, gồm: 170.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Thị Nam Ph vay mà Ph đã trả lại cho bị cáo C; 3.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trương Mạnh H vay mà H đã trả lại cho bị cáo C; 8.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Ngô Thị Ph vay mà Ph1 đã trả lại cho bị cáo C; 6.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Việt T vay mà T đã trả lại cho bị cáo C; 1.500.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Hồ Ngọc M vay mà M đã trả lại cho bị cáo C; 20.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Lê Thị B vay mà Bằng đã trả lại cho bị cáo C; 12.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Võ Thị Ngọc H1 vay mà H1 đã trả lại cho bị cáo C; 23.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Huỳnh Thị Hằng Ng vay mà Ng đã trả lại cho bị cáo C; 21.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Quốc V vay mà V đã trả cho bị cáo C; 15.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Phó Hồng Đ vay mà Đ đã trả lại cho bị cáo C; 15.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Dương Văn Ng1 vay mà Ng1 đã trả cho bị cáo C; 20.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Kim Th1 vay mà Th1 đã trả lại cho bị cáo C; 13.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Minh H2 vay mà H đã trả lại cho bị cáo C; 8.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thanh T1 vay mà T1 đã trả lại cho bị cáo C; 40.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Quốc C vay mà Quốc C đã trả cho bị cáo C; 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Tòng Sang Ph1 vay mà Ph1 đã trả lại cho bị cáo C; 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị H3 vay mà H3 đã trả lại cho bị cáo C; 30.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Phạm Thị S vay mà S đã trả cho bị cáo C; 8.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Phạm Thị Ngọc L1 vay mà L1 đã trả lại cho bị cáo C; 5.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Ngô Công G1 vay mà G1 đã trả cho bị cáo C; 8.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Lê Mỹ Ng2 vay mà Ng1 đã trả cho bị cáo C; 10.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Ng3 vay mà Ng3 đã trả lại cho bị cáo C; 86.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Tấn L2 vay mà L2 đã trả lại cho bị cáo C; 17.750.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Ngô Thị Tuyết M1 vay mà M1 đã trả lại cho bị cáo C; 500.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Dương K vay mà K đã trả lại cho bị cáo C; 5.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Từ Bửu M2 vay mà M2 đã trả lại cho bị cáo C; 113.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Lê Thị T2 vay mà T2 đã trả lại cho bị cáo C; 11.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Nguyễn Thị Đ1 vay mà Đ1 đã trả lại cho bị cáo C; 14.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Thị Kim H4 vay mà H4 đã trả lại cho bị cáo C; 10.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Thị Minh L3 vay mà L đã trả lại cho bị cáo C; 13.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Trần Ngọc H5 vay mà H5 đã trả lại cho bị cáo C;

+ Buộc Bùi Thành Th nộp lại số tiền gốc 15.000.000 đồng là Ph tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Th1ết vay chưa trả sung quỹ nhà nước.

+ Buộc Vương Thanh G nộp lại số tiền gốc 7.000.000 đồng là Ph tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho G vay chưa trả sung quỹ nhà nước.

+ Buộc Trần Hồ Ngọc M nộp lại số tiền gốc 3.500.000 đồng là Ph tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho M vay chưa trả sung quỹ nhà nước.

+ Buộc Lê Thị B nộp lại số tiền gốc 11.000.000 đồng là Ph tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho Bằng vay chưa trả sung quỹ nhà nước.

+ Buộc Nguyễn Thị L nộp lại số tiền gốc 5.000.000 đồng là Ph tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho L vay chưa trả sung quỹ nhà nước.

+ Buộc Trần Quốc V nộp lại số tiền gốc 4.000.000 đồng là Ph tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho V vay chưa trả sung quỹ nhà nước.

+ Buộc Phạm Thị Ngọc L1 nộp lại số tiền gốc 2.000.000 đồng là Ph tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho L1 vay chưa trả sung quỹ nhà nước.

+ Buộc Ngô Thị Tuyết M1 nộp lại số tiền gốc 2.250.000 đồng là Ph tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho M1 vay chưa trả sung quỹ nhà nước.

+ Buộc Dương K nộp lại số tiền gốc 4.500.000 đồng là Ph tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho K vay chưa trả sung quỹ nhà nước.

+ Buộc Trần Thị Kim H4 nộp lại số tiền gốc 1.000.000 đồng là Ph tiện phạm tội mà bị cáo Nguyễn Bá C đã cho H4 vay chưa trả sung quỹ nhà nước.

- Tích thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm:

Buộc bị cáo Nguyễn Bá C nộp lại số tiền lãi phát sinh từ tội phạm tương ứng với mức lãi suất 20%/năm từ việc cho vay đối với: Bùi Thành Th là 1.750.000 đồng, Trần Thị Nam Ph là 2.958.660 đồng, Trương Mạnh H là 49.290 đồng, Ngô Thị Ph là 131.460 đồng, Nguyễn Việt T là 98.580 đồng, Vương Thanh G là 326.113 đồng, Trần Hồ Ngọc M là 246.510 đồng, Lê Thị B là 639.334 đồng, Võ Thị Ngọc H1 là 197.160 đồng, Huỳnh Thị Hằng Ng là 450.278 đồng, Nguyễn Thị L là 82.170 đồng, Trần Quốc V là 435.583 đồng, Phó Hồng Đ là 312.342 đồng, Dương Văn Ng1 là 410.910 đồng, Nguyễn Thị Kim Th1 545.163 đồng, Nguyễn Thị Minh H2 là 369.299 đồng, Nguyễn Thanh T1 là 493.065 đồng, Võ Quốc C là 608.169 đồng, Nguyễn Tông Sang Ph1 là 82.170 đồng, Nguyễn Thị H3 là 82.170 đồng, Phạm Thị S là 493.020 đồng, Phạm Thị Ngọc L1 là 219.160 đồng, Ngô Công G1 là 82.170 đồng, Lê Mỹ Ng2 là 262.980 đồng, Nguyễn Thị Ng3 là 164.340 đồng, Nguyễn Tấn L2 là 1.413.120 đồng, Ngô Thị Tuyết M1 là 238.293 đồng, Dương K là 41.085 đồng, Từ Bửu M2 là 188.991 đồng, Lê Thị T2 là 1.517.555 đồng, Nguyễn Thị Đ1 là 180.750 đồng, Trần Thị Kim H4 là 328.720 đồng, Trần Thị Minh L3 là 164.340 đồng, Trần Ngọc H5 là 202.630 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho những người đã vay của khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo C thực tế đã thu, gồm:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Bùi Thành Th số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Th1 vay là 19.250.000 đồng;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Thị Nam Ph số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ph vay là 35.041.340 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trương Mạnh H số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H vay là 550.710 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Ngô Thị Ph số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ph1 vay là 1.468.540 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Việt T số tiền thu lợi bất chính từ việc cho T vay là 1.101.420 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Vương Thanh G số tiền thu lợi bất chính từ việc cho G vay là 5.420.554 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Hồ Ngọc M số tiền thu lợi bất chính từ việc cho M vay là 4.253.490 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Lê Thị B số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Bằng vay là 9.510.666 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Võ Thị Ngọc H1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H1 vay là 2.202.840 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Huỳnh Thị Hằng Ng số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng vay là 4.189.722 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị L số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L vay là 1.417.830 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Quốc V số tiền thu lợi bất chính từ việc cho V vay là 6.914.417 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Phó Hồng Đ số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Đ vay là 3.686.358 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Dương Văn Ng1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng1 vay là 2.589.090 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Kim Th1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Th1 vay là 9.404.837 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Minh H2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H vay là 5.610.701 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thanh T1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho T1 vay là 8.506.935 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Võ Quốc C số tiền thu lợi bất chính từ việc cho C vay là 7.491.831 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Tòng Sang Ph1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ph1 vay là 1.417.830 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị H3 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H3 vay là 917.830 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Phạm Thị S số tiền thu lợi bất chính từ việc cho S vay là 5.506.980 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Phạm Thị Ngọc L1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L1 vay là 1.447.506 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Ngô Công G1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho G1 vay là 917.830 đồng;

- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Lê Mỹ Ng2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng1 vay là 1.337.020 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Ng3 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Ng3 vay là 1.835.660 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Tấn L2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L2 vay là 15.786.880 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Ngô Thị Tuyết M1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho M1 vay là 3.386.707 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Dương K số tiền thu lợi bất chính từ việc cho K vay là 208.915 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Từ Bửu M2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho M2 vay là 3.261.009 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Lê Thị T2 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho T2 vay là 21.432.445 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Nguyễn Thị Đ1 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Đ1 vay là 2.019.250 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Thị Kim H4 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H4 vay là 1.671.280 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Thị Minh L3 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho L vay là 1.835.660 đồng;
- + Buộc bị cáo Nguyễn Bá C trả lại cho Trần Ngọc H5 số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H5 vay là 2.297.370 đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Th1 hành án của người được Th1 hành án đối với khoản tiền phải trả cho người Th1 hành án cho đến khi Th1 hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải Th1 hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Th1 hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 21 cuốn sổ thể hiện ghi chép người vay mượn tiền, 09 tờ giấy vay tiền năm 2020.

- Trả lại 19 tờ chứng minh nhân dân, căn cước công dân cho người được cấp: số 02214xxxx tên Nguyễn Thị L, số 02041xxxx tên Trương Mạnh H, số 07917000xxxx tên Trần Thị Kim H4, số 02606xxxx tên Nguyễn Ngọc K2, số 08007500xxxx tên Phan Cảnh Q, số 02228xxxx tên Ngô Thị Tuyết M1, số 02214xxxx tên Nguyễn Thị H3, số 36632xxxx tên Phan Thanh T, số 02228xxxx tên Nguyễn Thị Ng, số 02543xxxx tên Nguyễn Thanh S, số 02445xxxx tên Đặng Anh T, số 07918300xxxx tên Nguyễn Thị Thanh Ng1, số 02260xxxx tên Trương Bích L, số 07930001xxxx tên Huỳnh Yến Ph, số 02027xxxx tên Lê Thị Nh, số 07908000xxxx tên Nguyễn Thanh H, số 07916500xxxx tên Nguyễn Thị Tr, số 07909500xxxx tên Huỳnh Trương Anh Ph1, số 07907100xxxx tên Nguyễn Hoàng Th.

- Trả lại 08 giấy đăng ký xe gắn máy cho người đứng tên trên giấy đăng ký: số 153509 tên Lê Văn B, số 028807 tên Phạm Thị Kim Ng1, số 0039801 tên Lê Việt Th, số 008368 tên Lê Minh H, số 012905 tên Nguyễn Thị Thu H1, số 029297 tên Võ Duy Nh, số 040456 tên Huỳnh Văn T, số 010239 tên Lê Thanh Th.

- Trả lại 10 giấy phép lái xe cho người đứng tên trên giấy phép: số 0426.51C tên Lưu Văn T, số V746219 tên Mạch Quây U, số S400605 tên Phạm Thị Tuyết Tr, số L733138 tên Tiết Thị Diễm Th, số AA548269 tên Trần Văn S, số R944174 tên Trần Thị Bích Ng1, số AF928279 tên Lê Thị Mỹ D, số K368534 tên Đỗ Thị Ngọc H, số AK009033 tên Trần Văn Nh, số 791036240604 tên Võ Thuý H1.

- Trả lại 01 cuốn hộ chiếu số B0528563 tên Trần Thị Thanh Th cho Trần Thị Thanh Thủy.

- Trả lại 03 cuốn sổ hộ khẩu số 3101007xxxx tên Dương K cho Dương K, số 3103002xxxx Lê Thị L cho Lê Thị L, số 3103006xxxx tên Huỳnh Văn L cho Huỳnh Văn L.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá C 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS vỏ màu vàng, có ốp lưng nhựa, số sim: 0945523866, số IMEI: 353168100115540; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia vỏ màu đen, số sim: 0963349332, số IMEI: 357704106434620;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá C 01 xe gắn máy Kawasaki Z1000 biển số 51A-0108 có số máy T00AE-056102, số khung CA169A-029119 nguyên thủy.

- Tịch thu tiêu hủy biển số 51A-0108 do qua giám định biển số 51A-0108 là giả.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa Công an Quận 4 và chỉ cục Th1 hành án dân sự Quận 4).

- Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH4 vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Th1 hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Th1 hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nội nhận:

- Bị cáo; (1)
- Người tham gia tố tụng (1)
- CA TP.HCM (PV 06); (2)
- TAND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công an Quận 4; (2)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tân Quốc Bình